

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỂ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG TRỞ THÀNH TRUNG TÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ

TS. Trần Anh Tuấn¹

Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Quyết định số 865/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/7/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã chỉ rõ mục tiêu: "...phát triển Vùng Duyên hải Bắc Bộ thành vùng kinh tế tổng hợp (công nghiệp, du lịch và dịch vụ...) có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của cả nước, đặc biệt là chiến lược kinh tế biển Việt Nam. Phát huy vai trò vùng cửa ngõ hướng biển của Miền Bắc Việt Nam trên cơ sở xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp vùng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, bảo đảm phát triển bền vững cho toàn Vùng". Ở vị trí trung tâm của vùng Duyên hải Bắc Bộ, Thành phố Hải Phòng có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của toàn Vùng. Trong bối cảnh phát triển mới, vấn đề đặt ra cho khoa học và công nghệ (KH&CN) Hải Phòng là phải vươn lên, trở thành trung tâm KH&CN của Vùng. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung đề cập một yêu cầu đặt ra trong thực tiễn đối với Hải Phòng trong quá trình xây dựng và phát triển trở thành trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Từ khóa: Trung tâm KH&CN Vùng; Hải Phòng.

Mã số: 16100401

Mở đầu

Hải Phòng là một trong 5 thành phố trực thuộc trung ương, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Hải Phòng có mạng lưới giao thông khá đồng bộ, bao gồm: đường bộ, đường sắt, đường biển và hàng không, là những mạch máu chính gắn kết quan hệ toàn diện của Hải Phòng với các tỉnh khác trong cả nước và quốc tế. Ở vị trí trung tâm của Vùng Duyên hải Bắc Bộ, có vai trò rất quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh và quốc phòng, sự phát triển của Hải Phòng kéo theo sự phát triển chung của toàn Vùng. Ngoài tiềm năng về kinh tế, Hải Phòng còn có tiềm lực về KH&CN khá mạnh ở khu vực Duyên hải Bắc Bộ. Chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của Thành phố được cải thiện, đóng góp vào GDP của Hải Phòng tương đối khá, giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân 27%. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần phải

¹ Liên hệ tác giả: trananhtuan150178@gmail.com

ngiên cứu, xử lý hàng loạt các vấn đề cả về lý luận và thực tiễn nhằm xác lập được các luận cứ vững chắc, làm cơ sở để xây dựng đề án đưa Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

1. Khái niệm về trung tâm khoa học và công nghệ Vùng

Theo cách hiểu thông thường, khái niệm “trung tâm” thường được hiểu là một “mô hình” tương đối cụ thể. Hiện nay, chưa có các quy định cụ thể để công nhận một địa phương (thành phố/tỉnh trực thuộc trung ương) là “một trung tâm KH&CN”, cũng như vậy, chưa có tiêu chí định lượng để công nhận “một trung tâm KH&CN” của vùng và phần lớn các “trung tâm KH&CN” chỉ được công nhận dựa trên “đánh giá chủ quan”. Vì vậy, cần phải được tiếp tục nghiên cứu để xem xét giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nhận diện một “trung tâm KH&CN”, cần phải được “mở xẻ” giúp nhận thức đúng về khái niệm “trung tâm KH&CN” của vùng².

Trên thực tế, hiện đã có một số địa phương đã và đang triển khai việc xây dựng “trung tâm KH&CN” ở các cấp khác nhau: tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt Đề án “Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm KH&CN của cả nước” (Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 13/5/2013); tỉnh Nghệ An đã phê duyệt Đề án “Phát triển Nghệ An thành trung tâm KH&CN Vùng Bắc Trung bộ, giai đoạn 2015-2020” (Quyết định số 7343/QĐ-UBND ngày 25/12/2014) hiện đang triển khai thực hiện theo lộ trình.

Theo tác giả, nói đến việc xây dựng một “trung tâm KH&CN vùng” cần phải được hiểu đây không phải là đơn vị hành chính mà theo nghĩa rộng hơn, đó là năng lực hoạt động có thể đáp ứng với yêu cầu của vùng. Mặt khác, đã là một “trung tâm KH&CN vùng” thì nơi đó phải có kinh tế-xã hội phát triển (không thể ở mức “trung bình”); điều đó có nghĩa là “trung tâm KH&CN” phải trực tiếp tạo ra sự tăng trưởng kinh tế cho vùng (thông qua chỉ số đóng góp TFP trong GDP), chứ không đơn thuần chỉ là “ghi danh” và không có sự khác biệt; trung tâm đó phải là “động lực trực tiếp” để phát triển kinh tế. Việc thành lập trung tâm KH&CN vùng có một ý nghĩa rất quan trọng, cho phép phát huy tiềm năng và lợi thế của vùng, đồng thời, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN bằng cách hình thành trung tâm KH&CN vùng ở một số vùng kinh tế đặc biệt.

Để trở thành trung tâm Vùng Duyên hải Bắc Bộ, hoạt động KH&CN ở Hải Phòng phải hướng đến một số tiêu chí sau:

- Hải Phòng phải là nơi dẫn đầu trong ứng dụng KH&CN, nhất là công nghệ cao, đồng thời, có nhiều nghiên cứu ứng dụng có tính liên kết, lan

² Theo Thạc sĩ Trần Văn Quang, Phó vụ trưởng Vụ Phát triển KH&CN địa phương - Bộ KH&CN.

toả trong Vùng. KH&CN phải đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố và Vùng;

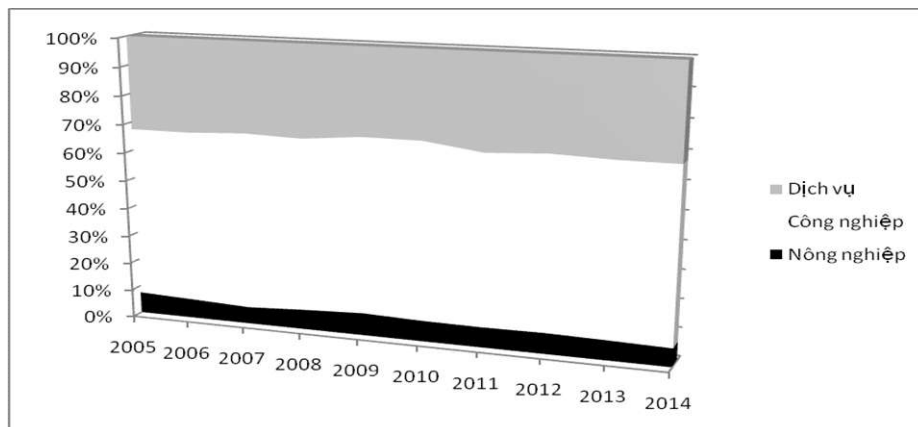
- Phải là nơi hội tụ các tổ chức KH&CN, đơn vị dịch vụ KH&CN cấp vùng, trung tâm nghiên cứu, triển khai có đủ tiềm lực và nguồn nhân lực KH&CN, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN và công nghệ cao vào sản xuất và đời sống, mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội thiết thực cho các tỉnh Duyên hải Bắc Bộ;
- Phải là nơi có trường đại học, cao đẳng đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế với sự gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu với thực tiễn sản xuất kinh doanh. Nguồn nhân lực đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

2. Tiềm năng, lợi thế và cơ hội, thách thức để Hải Phòng trở thành trung tâm khoa học và công nghệ Vùng

2.1. Tiềm lực về kinh tế-xã hội

Về vị trí, thành phố Hải Phòng nằm ở trung tâm của Vùng Duyên hải Bắc Bộ, có cảng biển lớn nhất Miền Bắc, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thuỷ, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế, là cửa chính ra biển của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc.

Về phát triển kinh tế, lợi thế so sánh đã tạo cho Hải Phòng phát triển kinh tế biển, cực tăng trưởng quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, chủ yếu là ngành dịch vụ cảng, du lịch, thủy sản và các dịch vụ kinh tế biển,... Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước. GDP năm 2015 đạt gấp 1,52 lần của năm 2010. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ; trong đó, tỷ trọng ngành dịch vụ là cao nhất (chiếm 53,95% năm 2013). Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Phòng chậm, tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên từ năm 2005 đến nay là không đáng kể (Hình 1), chưa có sự bứt phá của khu vực công nghiệp và dịch vụ. Trong quá trình phát triển, Hải Phòng đã xác định được ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng gồm: cảng biển, cảng hàng không, các tuyến trục đường bộ, đường sắt kết nối với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế lớn trong Vùng. Thực tế đến nay đã có nhiều dự án được đầu tư lớn như: Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, sân bay quốc tế Cát Bi, cảng biển nước sâu Lạch Huyện,...



Nguồn: Tổng cục thống kê (2015)

Hình 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Phòng giai đoạn 2005-2014

Với nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế biển, với truyền thống là một thành phố công nghiệp có nguồn nhân lực KH&CN, gần với thủ đô Hà Nội, nơi tập trung phần lớn các tổ chức KH&CN có uy tín của cả nước. Thành phố Hải Phòng hội tụ nhiều tiền đề quan trọng để trở thành một trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

2.2. Về tiềm lực khoa học và công nghệ

Thành phố Hải Phòng có tiềm lực KH&CN khá mạnh ở Vùng Duyên hải Bắc Bộ. Cho đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng có 70 tổ chức hoạt động KH&CN (trong đó có 8 đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố) và 20 trường đại học, cao đẳng. Toàn thành phố có 4.900 cán bộ KH&CN làm việc trong các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức KH&CN, trong đó có 248 tiến sĩ, 1.706 thạc sĩ, và 2.946 cán bộ có trình độ đại học. Phần lớn trong số đó làm việc trong các trường đại học, cao đẳng (chiếm 78,13%), tiếp đến là làm việc trong các tổ chức KH&CN địa phương (chiếm 14,16%) và cuối cùng là các tổ chức KH&CN trung ương (chiếm 7,71%). Cán bộ KH&CN của Thành phố được trẻ hóa với số cán bộ KH&CN có độ tuổi dưới 40 chiếm tỷ lệ cao nhất (71,02%), tiếp đến là độ tuổi từ 40 đến dưới 50 (15,88%); từ 50 đến dưới 55 (7,21%); từ 55 đến dưới 60 (4,08%). Lực lượng cán bộ KH&CN này đã tham gia một cách tích cực và có hiệu quả vào việc tư vấn, phân biện, nghiên cứu và giải quyết một số vấn đề lớn, quan trọng về phát triển KH&CN và kinh tế-xã hội của Thành phố trong các lĩnh vực: khoa học kỹ thuật và công nghệ, điều tra cơ bản và bảo vệ môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục-đào tạo,...

Hải Phòng cũng là địa phương có thế mạnh về nghiên cứu biển và đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế biển, ít có địa phương nào sánh được. Trên địa bàn Thành phố hiện có Trường Đại học Hàng hải; Viện Nghiên cứu hải sản; Viện Tài nguyên môi trường biển; Viện Y học biển; Viện KH&CN Hàng hải; Trung tâm Đào tạo tư vấn KH&CN bảo vệ môi trường thủy; Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng hàng hải; Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 1; Trung tâm Thủy lợi, môi trường ven biển và hải đảo. Tất cả những tổ chức này hợp thành một chuỗi hệ thống nghiên cứu nhằm bổ sung cho nhau trong lĩnh vực KH&CN biển. Đây là lợi thế lớn nhất của Hải Phòng không chỉ ở Vùng Duyên hải Bắc Bộ mà ở cả Vùng đồng bằng sông Hồng.

Ngân sách thành phố dành cho KH&CN hàng năm liên tục tăng. Kinh phí ngân sách từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển KH&CN của Thành phố, song vẫn còn khoảng cách khá xa so với chỉ tiêu 2% ngân sách chi như chủ trương của Trung ương và Thành phố. Qua tổng hợp kinh phí từ ngân sách Thành phố dành cho KH&CN cho thấy, trung bình hàng năm ngân sách chi cho hoạt động KH&CN tăng từ 10-20%; tuy nhiên, trung bình 05 năm 2011-2015 mới chỉ chiếm bình quân khoảng 0,951% so với tổng chi ngân sách của Thành phố. Tốc độ tăng ngân sách dành cho KH&CN giai đoạn 2011-2015 là 5,84%. Ở các doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN bình quân khoảng trên 10 tỷ VNĐ/năm³.

Thị trường công nghệ của Thành phố đã bước đầu đáp ứng các nhu cầu về cung, cầu công nghệ, tạo nguồn lực đầu vào cho quá trình đổi mới công nghệ. Thành phố Hải Phòng đã chú trọng đến các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ. Tốc độ đổi mới thiết bị, công nghệ của thành phố Hải Phòng năm 2013 là 10,22%; năm 2014 là 11,32%; 2015 là 12,11%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghiệp năm 2013 là 21,25%; năm 2014 là 23,51%; năm 2015 là 26,34%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ, kỹ thuật cao trong GDP năm 2013 là 26,93%; năm 2014 là 29,78%; năm 2015 là 33,38%.

Mặt bằng về trình độ công nghệ sản xuất đã được nâng lên, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chủ yếu. Nhiều chỉ tiêu quan trọng tác động lớn đến trình độ công nghệ đã được cải thiện và cao hơn nhiều so với bình quân chung của cả nước. Tỷ trọng vốn đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ ở các doanh nghiệp tăng nhanh. Tỷ trọng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong các dự án đầu tư chiếm trên 60%, có một số lĩnh vực đến 90%. Nhiều thiết bị, công nghệ

³ Theo Báo cáo Kết quả hoạt động KH&CN của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011-2015, định hướng hoạt động giai đoạn 2016-2020.

được đầu tư chủ yếu có xuất xứ từ các nước phát triển, tỷ lệ thiết bị điều khiển tự động và bán tự động ngày càng tăng. Chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp TFP của Thành phố được cải thiện, đóng góp vào GDP Thành phố tương đối khá, giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân 27%.

Với tiềm lực KH&CN như vậy, trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố. Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược và chính sách phát triển của Thành phố; góp phần cung cấp các luận cứ khoa học, đề xuất các mô hình, giải pháp phục vụ xây dựng, đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và cơ chế quản lý của các cấp, các ngành. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ gắn bó chặt chẽ với sản xuất và đời sống, lấy nghiên cứu ứng dụng là chính, đồng thời, tập trung vào một số lĩnh vực trọng điểm, từng bước góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường.

2.3. Cơ hội và thách thức

Tuy vậy, quá trình xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ đang có những cơ hội và thách thức đan xen.

a) Về cơ hội:

Một là, Hải Phòng với vị trí địa lý kinh tế thuận lợi, là cửa ngõ ra biển của cả khu vực phía Bắc, Hải Phòng nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chính phủ, tại Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 10/10/2013 đã chỉ rõ: về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Hải Phòng đến năm 2020 là "...Tập trung phát triển những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, mang tính đột phá là các ngành dịch vụ cảng biển, sân bay, du lịch, kinh tế biển và vận tải biển, logistics, tài chính, xuất nhập khẩu,... Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn, có năng suất, giá trị gia tăng và hàm lượng KH&CN cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Nâng cao tỷ lệ nội địa trong sản phẩm, chuyển dần từ gia công lắp ráp sang chế tạo và chế tác. Ưu tiên phát triển những sản phẩm có khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và giảm dần những sản phẩm sơ chế, tiêu tốn nhiều tài nguyên. Phát triển nông nghiệp sinh thái với các sản phẩm sạch, giá trị thu nhập cao, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Quan tâm phát triển văn hóa-xã hội mang bản sắc riêng của Hải Phòng".

Đây là những căn cứ pháp lý và cũng là cơ hội tốt để Hải Phòng thực hiện sự bứt phá về kinh tế, trở thành đầu tàu kinh tế và KH&CN của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Hai là, với các điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế thuận lợi và nguồn lao động phong phú, Hải Phòng có nhiều tiềm năng trở thành một cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của khu vực đồng bằng sông Hồng, là một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thủy, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế, là cửa chính ra biển của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc.

Ba là, quá trình hội nhập toàn diện và sâu rộng đang tạo cho Hải Phòng khai thác tốt vị trí địa lý để đẩy mạnh sự phát triển. Việt Nam đã ký kết một loạt các Hiệp định Thương mại có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của đất nước trong tương lai như: Hiệp định Thương mại Việt Nam với EU (EVFTA); Hiệp định TPP; tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) từ ngày 31/12/2015. Trong đó, Việt Nam được đánh giá là quốc gia thu hút sự chú ý mạnh nhất của các nhà đầu tư, tạo ra làn sóng đầu tư ở các lĩnh vực công nghệ cao vào Việt Nam, trong đó có Hải Phòng. Một số dự án công nghệ cao đang hoạt động góp phần thay đổi cơ cấu trình độ công nghệ của Hải Phòng. Đây là cơ hội để Hải Phòng có thể nắm bắt, đổi mới công nghệ.

Bốn là, hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng được nâng cấp và hoàn thiện, tạo điều kiện cho Hải Phòng thực hiện sự bứt phá về kinh tế-xã hội, khẳng định vai trò đầu tàu về kinh tế biển của Vùng Duyên hải Bắc Bộ. Các dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, dự án mở rộng cảng Hàng không quốc tế Cát Bi, dự án cảng nước sâu Lạch Huyện,... đã và đang triển khai tạo ra những điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, vừa để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, KH&CN, vừa tạo sự kết nối giữa Hải Phòng với các tỉnh khu vực phía Bắc, các tỉnh trong Vùng, đưa vị thế của Hải Phòng trở thành trung tâm phát triển kinh tế, trung tâm KH&CN của Vùng trở thành hiện thực.

b) Về thách thức:

Bên cạnh những cơ hội nêu trên, quá trình xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ cũng gặp phải rất nhiều thách thức. Có những thách thức từ bên trong nội tại và thách thức từ bên ngoài.

Một là, thách thức lớn nhất của Hải Phòng hiện nay là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển rất lớn nhưng nguồn lực có hạn, cả về tài chính và nguồn nhân lực, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Đặc biệt, mô hình tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng trong thời gian qua là mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng. Nhân tố KH&CN đóng góp vào

tăng trưởng kinh tế chưa đạt được so với mục tiêu (TFP đóng góp trên 30% GDP).

Hai là, nguồn nhân lực KH&CN, mặc dù tăng nhanh về số lượng qua các năm, nhưng chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển KH&CN. Trình độ KH&CN còn thấp, việc áp dụng KH&CN vào sản xuất còn hạn chế, liên kết giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp còn yếu. Nguồn tài chính dành cho phát triển KH&CN sử dụng chưa có hiệu quả, chưa thu hút được nhân tài, nhân lực chất lượng cao cho phát triển và áp dụng tiến bộ KH&CN. Đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu và triển khai ứng dụng KH&CN còn thiếu và yếu, nhất là ở các doanh nghiệp của Hải Phòng.

Ba là, Hải Phòng là địa phương đứng thứ 2 khu vực Miền Bắc về tiềm lực kinh tế, nhưng các dự án đầu tư nước ngoài vào Thành phố chưa nhiều, quy mô dự án chưa lớn, số dự án có trình độ công nghệ cao còn ít. Rất ít dự án đầu tư nước ngoài xứng tầm với vị thế của Thành phố cả quy mô lẫn trình độ công nghệ, đóng góp thực sự nâng tầm trình độ phát triển của Thành phố nói riêng đang là thách thức lớn với Hải Phòng.

Bốn là, hiện trạng khai thác tài nguyên biển và hải đảo còn thiếu bền vững do khai thác tự phát, đa dạng sinh học biển và nguồn lợi thủy hải sản đang giảm sút khá nghiêm trọng. Cạn kiệt tài nguyên, suy thoái các hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường biển và biến đổi khí hậu đang là những thách thức nghiêm trọng, tác động và chi phối rất lớn đến quá trình triển khai chiến lược phát triển bền vững của Thành phố hiện nay.

Năm là, các tổ chức KH&CN với quy mô nhỏ, hoạt động phân tán, độc lập, thiếu sự phối hợp liên kết nên các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho sự phát triển của ngành, đơn vị, phạm vi tác động của các tổ chức này đối với sự phát triển của Vùng không lớn.

3. Những yêu cầu đặt ra để Hải Phòng trở thành trung tâm khoa học và công nghệ Vùng

3.1. Vai trò của thành phố Hải Phòng đối với khoa học và công nghệ Vùng

Một là, định hướng phát triển Vùng đã được Thủ tướng phê duyệt, vùng động lực phát triển công nghiệp và dịch vụ tập trung trên trục kinh tế Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái, trong đó, Hải Phòng và Hạ Long là đô thị trung tâm phát triển công nghiệp, cảng biển, dịch vụ và du lịch. Cụ thể:

- Hai đô thị lớn Hải Phòng và Hạ Long là trung tâm tổng hợp dịch vụ kinh tế biển của Vùng;

- Khu vực trọng điểm phát triển công nghiệp của Vùng tập trung chủ yếu ở khu vực Hải Phòng và Quảng Ninh;
- Không gian trung tâm phát triển du lịch: thành phố Hải Phòng, thành phố Hạ Long, thành phố Ninh Bình;
- Xây dựng các trung tâm thương mại đầu mối với vai trò điều hòa phân phối hàng hóa trong Vùng tại Thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình;
- Xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao cấp Vùng tại Thành phố Hải Phòng để chống quá tải cho các bệnh viện đầu ngành tại Hà Nội;
- Xây dựng trung tâm đào tạo lớn của Vùng tại: Hải Phòng, Hạ Long và Nam Định. Trong đó, Hải Phòng đảm nhiệm chức năng trung tâm, nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bằng sông Hồng và toàn quốc.

Hai là, Hải Phòng là địa phương có tỷ trọng giá trị tổng sản phẩm lớn nhất trong tổng giá trị sản phẩm toàn Vùng (chiếm 32,25%), tiếp đến là Quảng Ninh (chiếm 26,59%). Trong nội bộ ngành công nghiệp - xây dựng thì Hải Phòng chiếm 30,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn Vùng. Về dịch vụ, Hải Phòng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu thương mại và dịch vụ toàn Vùng (chiếm 39,1%). Có thể khẳng định, Hải Phòng là địa phương đầu tàu, đặc biệt quan trọng, có vai trò dẫn dắt trong quá trình phát triển kinh tế của Vùng trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, lực lượng lao động trong độ tuổi (từ 15 tuổi trở lên) thì Hải Phòng chiếm khoảng 24,1% tổng số lực lượng lao động của toàn Vùng và luôn có xu hướng tăng trong giai đoạn tiếp theo. Đến năm 2014, toàn Vùng có khoảng 23,16% lao động đã qua đào tạo đang làm việc trong các ngành kinh tế, tỷ lệ này ở thành phố Hải Phòng là 27,6% (trong đó, có khoảng trên 11,6% có trình độ trên đại học). Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố có 4 trường đại học, 55 tổ chức KH&CN. Do đó, Hải Phòng hoàn toàn có khả năng tiếp nhận và làm chủ các thành tựu KH&CN tiên tiến của khu vực và thế giới, đặc biệt trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế như hiện nay.

3.2. Những yêu cầu đặt ra đối với Hải Phòng

Để xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN Vùng Duyên hải Bắc Bộ, trước hết, phải tập trung giải quyết những yêu cầu chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tăng cường tiềm lực KH&CN đủ sức đảm đương nhiệm vụ chung của toàn Vùng.

Khi Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN của Vùng, các hoạt động KH&CN không chỉ phục vụ riêng cho sự phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố mà là chung cho toàn Vùng. Để đảm đương nhiệm vụ đó, trước hết phải tăng cường tiềm lực KH&CN, tập trung vào các mặt sau:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ cao, ngang tầm với các quốc gia có trình độ phát triển khác trong khu vực, có cơ cấu phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Thành phố đến năm 2020; Bảo đảm sự chuyển tiếp giữa các thế hệ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế. Xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực KH&CN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, sử dụng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ KH&CN. Đa dạng hóa các loại hình, cấp độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực KH&CN. Trong điều kiện thực tiễn của Hải Phòng, phải tăng cường liên kết trong đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN với các đối tác có tiềm lực mạnh về KH&CN như các trường, viện nghiên cứu của trung ương, các tổ chức KH&CN lớn trên thế giới, các nước khối Bắc Mỹ, Cộng đồng Châu Âu, Đông Bắc Á,... để đào tạo cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý KH&CN phục vụ cho hoạt động KH&CN của Thành phố;
- Sắp xếp lại hệ thống các tổ chức KH&CN trên địa bàn Thành phố thích ứng với vai trò mới. Là trung tâm KH&CN của Vùng, Hải Phòng phải là nơi dẫn đầu trong ứng dụng KH&CN, nhất là công nghệ cao, đồng thời, có nhiều nghiên cứu ứng dụng có tính liên kết, lan tỏa trong Vùng. KH&CN phải đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố và cho toàn Vùng. Muốn vậy, phải nghiên cứu, sắp xếp lại các tổ chức KH&CN trên địa bàn Thành phố theo hướng tinh gọn, không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Các tổ chức KH&CN, đơn vị dịch vụ KH&CN và trung tâm nghiên cứu-triển khai phải có đủ tiềm lực tài chính và nguồn nhân lực KH&CN, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN và công nghệ cao vào sản xuất và đời sống, đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội, phục vụ nhu cầu phát triển chung của toàn Vùng. Các hoạt động KH&CN Hải Phòng phải tập trung khai thác tối đa lợi thế so sánh về cảng biển, phát triển các công nghệ phục vụ cho việc khai thác và sử dụng tài nguyên biển như công nghệ hải dương học, dịch vụ cảng biển, dịch vụ logistic;
- Hình thành mạng lưới các tổ chức KH&CN đủ năng lực hội nhập quốc tế, gắn kết chặt chẽ với giáo dục-đào tạo, sản xuất-kinh doanh. Phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN, các trường đại học trên địa bàn Thành phố đủ khả năng giải quyết các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của

Thành phố, có sức lan tỏa trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng;

- Hình thành được khu công nghệ đối với các ngành có quy mô lớn, giá trị tăng cao, có khả năng tham gia chuỗi giá trị quốc tế, nhất là các sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu. Là nơi cung ứng sản phẩm phục vụ cho các ngành công nghiệp của Vùng và cả nước.

Thứ hai, xây dựng và phát triển năng lực KH&CN của Thành phố đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á.

- Năng lực KH&CN của Thành phố phải đủ khả năng làm chủ, thích nghi và cải tiến các công nghệ hiện đại nhập từ nước ngoài trong một số lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, kết cấu hạ tầng (kinh tế biển, tài chính-ngân hàng, viễn thông, giao thông vận tải, logistics) nhằm đảm bảo sự tương hợp quốc tế;
- Đưa việc ứng dụng các thành tựu KH&CN, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực; Góp phần quyết định nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế Thành phố; Có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng Thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại, một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước; có nền nông nghiệp đô thị hiện đại; Là trung tâm thủy sản, y tế, giáo dục của Vùng;
- Xây dựng và phát triển có trọng điểm một số ngành công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp công nghệ sinh học; công nghiệp logistics trở thành các ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu trong nước, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu.

Thứ ba, phát triển thị trường công nghệ; nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Hải Phòng trở thành Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị và Trung tâm Thông tin KH&CN trở thành Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN quy mô Vùng để đảm đương các nhiệm vụ chung của toàn Vùng.

Sàn đóng vai trò là đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp và các ngành sản xuất trong toàn Vùng trong quá trình đổi mới công nghệ; Đầu mối giao dịch, quảng bá và thương mại hóa các sản phẩm KH&CN do các doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN, các cơ sở ươm tạo công nghệ trong và ngoài nước cung cấp; Tổ chức các cuộc gặp gỡ, kết nối cung-cầu, xây dựng các mối quan hệ hợp tác, cung cấp thông tin, cập nhật nhu cầu về các sản phẩm KH&CN, về nguồn nhân lực của cộng đồng doanh nghiệp đến các viện, trường, các tổ chức KH&CN.

Thứ tư, tăng cường hợp tác KH&CN trong nước và quốc tế.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức KH&CN trong nước và quốc tế để nâng cao tiềm lực KH&CN, kiện toàn các tổ chức KH&CN trên địa bàn Thành phố; ban hành cơ chế, chính sách hợp lý để thúc đẩy các hoạt động hợp tác, chuyển giao KH&CN. Đa dạng hóa các mối quan hệ và các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đầu tư đúng mức cho việc hợp tác nghiên cứu-phát triển. Tạo môi trường thể chế và các chính sách thích hợp để thu hút cán bộ KH&CN trẻ, các chuyên gia ở các địa phương khác làm việc cho Thành phố.

Kết luận

Tựu trung lại, để xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm KH&CN của Vùng Duyên hải Bắc Bộ, phải giải quyết rất nhiều vấn đề, cả về lý luận và thực tiễn, cả trong tư duy, nhận thức và hành động.

Đặc biệt, để Hải Phòng thực sự trở thành một Trung tâm KH&CN Vùng cần có những chính sách đặc thù, tạo động lực cho quá trình phát triển và những bước đột phá dài hơn để KH&CN thực sự là then chốt, đáp ứng đúng vai trò theo chủ trương, đường lối chiến lược của Đảng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ. (5/2015) *Kỷ yếu Hội nghị giao ban KH&CN các tỉnh/thành phố vùng đồng bằng sông Hồng lần thứ X.*
2. Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng. (2016) *Tư liệu vùng đồng bằng sông Hồng năm 2015.* Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
3. Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng. (2016) *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm khoa học và công nghệ Vùng Duyên hải Bắc Bộ.*
4. Trần Anh Tuấn và nnk. (2011) *Nghiên cứu giải pháp phát triển thị trường công nghệ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020.* Đề tài cấp Bộ KH&CN. Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng.